TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/12/2025
V/v "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh

Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Xuân Phầu

Ông Đinh Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Linh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Cao Xuân N, sinh ngày 09/10/1990; địa chỉ: thôn T, xã K, tỉnh Quảng Trị; căn cước công dân: 044090003619; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị T, sinh ngày 24/3/1993; địa chỉ: thôn T, xã K, tỉnh Quảng Trị; căn cước công dân số: 044193002405; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Cao Xuân N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì sống ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay. Lý do mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường

xuyên cãi nhau, tính tình không hợp, chị T đi ra ngoài có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Cả hai không ai mong muốn hàn gắn tình cảm.

Do đó, anh N có nguyện vọng được ly hôn với chị T nhằm chấm dứt cuộc hôn nhân không hạnh phúc này.

- Về con chung: Vợ chồng có có 02 con chung tên Cao Gia B, sinh ngày 12/11/2015 và Cao Gia H, sinh ngày 19/6/2021. Hiện nay, các con chung đang sống với anh N tại địa phương xã K, tỉnh Quảng Trị.

Khi ly hôn, anh N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung tên Cao Gia H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đinh Thị T vắng mặt nên trong giải đoạn chuẩn bị xét xử, tuy nhiên, tại bản từ khai ngày 12/12/2025, chị T khai:

Chị T có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã K, tỉnh Quảng Trị. Chị đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án về việc ly hôn giữa chị và anh N. Nay chị đi làm ăn xa không về được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, chị đồng ý ly hôn với anh N; về con chung, đồng ý giao 02 con chung là Cao Gia B, sinh ngày 12/11/2015 và Cao Gia H, sinh ngày 19/6/2021 cho anh N nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời trong đơn xin xét xử vắng mặt còn thể hiện nội dung: mong Tòa án giải quyết cho anh N được ly hôn với chị T, anh N yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cho cháu Gia H mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Cao Xuân N. Về quan hệ hôn nhân: anh N được ly hôn với chị T; về con chung: anh N được trực tiếp nuôi dưỡng Cao Gia B, sinh ngày 12/11/2015 và Cao Gia H, sinh ngày 19/6/2021, buộc chị T cấp dưỡng nuôi cháu Cao Gia H mỗi tháng 2.000.000 đ. Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết; về án phí: anh N, chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Cao Xuân N khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Đinh Thị T. Đồng thời, chị T có nơi cư trú trên địa bàn xã K, tỉnh Quảng Trị. Xét đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là chị Đinh Thị T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đinh Xuân N1 và chị Đinh Thị T tự nguyện kết hôn vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh N1 và chị T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh N1 trình bày, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi và chị T đã bỏ anh đi, ngoài ra, chị T còn có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Do đó, anh N1 và chị T không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2024 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian sống chung, anh N1 và chị T bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không còn sống chung từ tháng 6/2024 cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho chị T, bản thân chị T đã có tờ khai trình bày ý kiến và đồng ý ly hôn với anh N1. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh N1 và chị T là trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N1 đối với chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Vợ chồng có 02 con chung tên Cao Gia B, sinh ngày 12/11/2015 và Cao Gia H, sinh ngày 19/6/2021. Khi ly hôn, anh N1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung tên Cao Gia H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, con chung đang được anh N1 chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định, bản thân cháu Gia B có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn sống với anh N1. Ngoài ra, ý kiến của chị T đồng ý giao 02 con chung cho anh N1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu

Gia B và Gia H cho anh N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình giải quyết vụ án, anh N1 yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi đối với cháu Gia H. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh N1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh N1 yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu Gia H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp, mức cấp dưỡng mà anh N1 yêu cầu phù hợp mức cấp dưỡng quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Để đảm bảo các khoản chi phí chăm sóc con, nuôi dưỡng con nên buộc chị T cấp dưỡng cho cháu Gia H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi là hoàn toàn có căn cứ. Nên chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của anh N1.

Về phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

Về thời điểm cấp dưỡng: Từ khi tuyên án (tháng 12/2025) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[2.3] Đối với quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh N1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Các điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Cao Xuân N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Cao Xuân N với chị Đinh Thị T.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Cao Gia B, sinh ngày 12/11/2015 và Cao Gia H, sinh ngày 19/6/2021 cho anh Cao Xuân N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Cao Gia H, sinh ngày 19/6/2021 mỗi tháng 2.000.000 đồng; phương thức cấp dưỡng: hàng tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ khi tuyên án sơ thẩm (tháng 12/2025) cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom đến cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Cao Xuân N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0000760 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi

hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 2 – Quảng Trị;
- Phòng Thi hành án dân sự KV 2 - Quảng Trị;
- Đương sự;
- UBND xã Kim Phú, tỉnh Quảng Trị;
- Văn phòng TAND KV2 – Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Đức Cảnh